

TRƯỜNG MN DIỄN HÙNG

DỰ KIẾN KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN

Thực hiện chương trình khối 3–4 tuổi

Năm học 2025–2026.

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non – Bé vui tết trung thu	Bé đến trường mầm non	1	15 – 19/9/2025
		Các hoạt động ở trường MN	2	22 – 26/9/2025
		Lớp học của bé – Bé vui tết trung thu	3	29/09 – 03/10/2025
2	Bản thân	Bé tự giới thiệu về mình	4	06/10 – 10/10/2025
		Cơ thể tôi và bạn	5	13 – 17/10/2025
		Bé lớn lên từng ngày	6	20 – 24/10/2025
3	Gia đình – Ngày hội của cô giáo	Gia đình bé	7	27 – 31/10/2025
		Ngôi nhà bé ở	8	03 – 07/11/2025
		Đồ dùng trong gia đình	9	10 – 14/11/2025
		Ngày hội cô giáo (20/11)	10	17 – 21/11/2025
		Món ăn trong gia đình	11	24 – 28/11/2025
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì	Nghề làm nông, nghề đánh cá	12	01 – 05/12/2025
		Nghề thợ xây	13	08 – 12/12/2025
		Cháu yêu chú bộ đội	14	15 – 19/12/2025
		Nghề thợ may	15	22 – 26/12/2025
		Nghề bác sĩ	16	29/12 – 02/12/2025
5	Thế giới động vật	Động vật sống trong gia đình	17	05-09/01/2026
		Động vật sống trong rừng	18	12 – 16/01/2026
		Động vật sống dưới nước	19	19 – 23/01/2026
		Côn trùng và chim	20	26 – 30/01/2026
6	Thế giới thực vật – Bé vui đón tết	Cây xanh và môi trường sống	21	02 – 06/02/2026
		Bé vui đón Tết	22	09/02 – 13/02/2026
		Một số loại rau	23	23 – 27/02/2026
		Ngày vui 8/3	24	02 – 06/03/2026
		Mùa xuân của bé	25	09 – 13/03/2026
		Một số loài hoa, quả	26	15 – 19/03/2026
7	Phương tiện &	PT & QĐGT đường bộ	27	23 – 27/03/2026
		PT & QĐGT đường thủy	28	30/03 – 03/04/2026

	QĐGT	PT & QĐGT đường hàng không	29	06 – 10/04/2026
8	Nước & hiện tượng TN	Tìm hiểu về nước	30	13 – 17/04/2026
		Các hiện tượng thời tiết	31	20 – 24/04/2026
		Các mùa trong năm(30/4 – 1/5)	32	27/04 – 01/05/2026
9	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ	Quê hương em (Giỗ tổ hùng vương 10/03)	33	04 – 08/05/2026
		Việt Nam mến yêu	34	11 – 15/05/2026
		Bác Hồ kính yêu	35	18 – 22/05/2026

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE
ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 3- 4 TUỔI

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - XD thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước,		
--	---	--	--

	phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc		
2. Tổ chức giấc ngủ	* Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ:	Giáo viên và bảo vệ	

	Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm <i>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</i> - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng.		
--	---	--	--

	- Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo VS. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.		
--	--	--	--

	+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	<i>a. Chăm sóc sức khỏe</i> <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y	

	điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2025 và tháng 3/2026); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2025 và tháng 3/2026) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. <i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. <i>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</i> - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm	tế xã, - Phụ huynh	
--	--	-----------------------------------	--

	(Sốt, ho, viêm đng hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống các dịch bệnh. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối		
--	---	--	--

	hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để BD cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN GIÁO DỤC MÀM NON NĂM HỌC 2025-2026

A, MỤC TIÊU GIÁO DỤC	B. NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	

* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1. Trẻ khỏe mạnh cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai: - Cân nặng: Từ 12.9-20.8 kg - Chiều cao: Từ 94.4-111.5cm Trẻ gái: - Cân nặng: Từ 12.6-20.7kg - Chiều cao: Từ 93.5-109.6 cm	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Cân, đo theo dõi sức khỏe qua biểu đồ. - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ - Phòng chống suy dinh dưỡng béo phì cho trẻ
2. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống và vệ sinh khi được nhắc nhở - Trẻ biết chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết 4 nhóm thực phẩm - Được ăn các loại thức ăn khác nhau như thịt, cá, trứng, rau, các loại bánh. - Trẻ ăn hết khẩu phần ăn trong ngày - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau
3. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Trẻ nhận biết và gọi đúng tên một số thực phẩm quen thuộc như, thịt, cá, trứng, tôm.... - Bé tìm hiểu các nhóm thực phẩm. - Trẻ nhận biết và phân biệt thực phẩm có nguồn gốc động vật, thực vật - Các thực phẩm khác nhau màu sắc, kích thước, hình dạng, mùi vị... Trò chuyện sáng Units: Món ăn yêu thích
4. Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo...)	Dạy trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt như: - Làm quen với việc lau mặt súc miệng - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tập lau mặt đúng thao tác. - Tháo tất, cởi quần áo

	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. *Chủ đề gia đình : - GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng gấp xếp quần áo - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng mặc và cởi quần áo.
5. Trẻ thực hiện một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: ăn chín, uống sôi; ăn hết suất. - Nhắc trẻ không ăn quà vặt, không uống nước lã. - Nhắc trẻ không ăn thức ăn đã để lâu và bị ôi thiu. - Luyện tập cho trẻ 1 số thói quen văn minh trong ăn uống như biết chào mời và không nói chuyện trong khi ăn...
6. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Biết đeo khẩu trang, rửa tay, sát khuẩn, không đến chỗ đông người.	Trẻ có thói quen trong vệ sinh cá nhân hàng ngày, chấp nhận - Làm quen cách đánh răng, lau mặt, tập rửa tay bằng xà phòng - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh - Lạnh mặc thêm áo vào, nóng cởi áo ra. - Biết tránh xa những nơi không an toàn. - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất, cởi quần, áo - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Trẻ có thói quen súc miệng bằng nước muối sau khi ăn. * GDKNS : Chủ đề : Bản thân - Dạy trẻ kỹ năng mang giày dép có quai. - Dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ một số dịch bệnh thường gặp. *HD ứng dụng Stem : Đánh bay vi khuẩn -Làm bàn tay robot cử động được
7.Trẻ nhận ra và tránh một số nơi và vật dụng nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi, bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là những vật nguy hiểm không đến gần, không nghịch các vật sắc nhọn - Một số hành động nguy hiểm. - Nhận ra những nơi như ao hồ, bể chứa nước là nơi nguy hiểm, không được chơi gần
8. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Không tự lấy thuốc uống khi người lớn chưa cho phép - Nhắc trẻ không leo trèo lên những nơi nguy hiểm - Trẻ có thói quen không theo người lạ khi chưa được sự đồng ý của người thân. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Dạy trẻ biết không tự mình đến trường 1 mình hoặc về nhà khi không có người lớn. * Chủ đề Gia đình: - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng chống điện giật. - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng không nhận quà và đi theo người lạ. *Chủ đề nghề nghiệp: - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh hỏa hoạn. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh một số vật dụng nguy hiểm. *Chủ đề: Động vật - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh những con vật nguy hiểm. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ, chăm sóc con vật nuôi. *Chủ đề: Nước-hiện tượng tự nhiên: - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh một số hiện tượng thiên tai (Bão, gió, sấm chớp...) - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước. Trò chuyện sáng Units : Nơi an toàn, nơi nguy hiểm. Khi trẻ gặp nguy hiểm
* Phát triển vận động	
9. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng	- Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay:

dẫn.	+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xuống đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
10. Trẻ giữ thăng bằng và kiểm soát được các vận động khi đi và chạy (đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh, chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm) không lệch ra ngoài	+ Đi trong đường hẹp + Đi hết đoạn đường hẹp (3mx 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Đi bước qua dây + Đi theo đường đích dắc. + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm + Nhảy xa 25-30 cm. + Bước lên, xuống bậc cao (Cao 30cm) + Đi trên ván dốc + Đi thăng bằng trong đường hẹp. + Đứng co một chân.
11. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động (vẽ hình tròn, cắt được một đoạn 10cm...).	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cỏ tay, cuộn cỏ tay. - Đan, tết. - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Xếp chồng 8-10 hình khối không đồ - Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Tự cài, cởi cúc. *HD stem: Làm khung ảnh - Làm chiếc cầu
12. Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động. - Tung bắt bóng cùng cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng -Tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	+ Tung bóng cho cô. + Tung bóng lên cao bằng 2 tay + Đập bóng xuống sàn. + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Chuyển, bắt bóng bằng hai tay. (Chuyển theo hàng ngang, hàng dọc)
13. Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động: bò,	+ Bò chui qua cổng + Bò chui qua cổng, bật về phía trước.

trườn, trèo	+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò theo đường đích dắc + Bật nhảy tại chỗ + Trườn về phía trước. Hoạt động trải nghiệm: Em làm chú bộ đội
14. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp (chạy 15 m liên tục, ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	- Trẻ thực hiện các bài tập tổng hợp theo yêu cầu của chủ đề như: Bật - nhảy, chạy, ném, lăn... + Chạy đổi hướng theo vật chuẩn, ném trúng đích. + Ném xa bằng một tay + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích bằng một tay + Chạy 15m liên tục + Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. + Chạy nhanh 10m
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
a. Khám phá khoa học	
15. Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Trẻ biết một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng dưới sự gợi ý của cô, của người lớn. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Cho trẻ quan sát và đưa ra một số câu hỏi cho trẻ trả lời. - Đây là cái gì, con gì, cây gì...
16. Trẻ Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	*Chủ đề mầm non: + KPKH: Đồ chơi của bé. +KPKH: Trò chuyện về ngày tết trung thu + Trò chuyện sáng *Chủ đề bản thân: + Trò chuyện sáng + Bé tìm hiểu về cái miệng + Sự kỳ diệu của bàn tay, chân. + KPKH: Cơ thể bé.(Tìm hiểu về cái miệng; đôi tay của bé; đôi chân của bé...) + KPKH: Sự lớn lên của bé

	+KPKH: Khuôn mặt của bé *Chủ đề gia đình: + Trò chuyện sáng + Đồ dùng gia đình *Chủ đề động vật: + Trò chuyện sáng + Động vật sống trong rừng.(Tìm hiểu về con hổ; Tìm hiểu về con khỉ...) + Động vật sống trong gia đình.(Tìm hiểu về con gà; tìm hiểu về con chó...) + Động vật sống dưới nước(Trò chuyện về con cá chép; trò chuyện về con tôm....) + Chim và côn trùng.(Tìm hiểu về con chuồn chuồn; tìm hiểu về con muỗi...) *Chủ đề thực vật: + Trò chuyện sáng Units: loại quả em yêu thích + Một số loại quả(Tìm hiểu về quả một hạt; quả nhiều hạt...) + Một số loại hoa(Tìm hiểu về hoa sen; hoa cúc...) + Một số loại rau, củ + Một số loại cây *Chủ đề giao thông + Trò chuyện sáng Units: Các phương tiện giao thông quanh em. + KPKH: Phương tiện và quy định giao thông đường bộ. + KPKH: Phương tiện và quy định giao thông đường thủy. + KPKH: Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không. *Chủ đề nước –hiện tượng tự nhiên: + Trò chuyện sáng Units: + Các mùa trong năm. + Tìm hiểu về nước, đất, đá, sỏi. + Trang phục của bé.
17.Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản như thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Các chất tan, không tan.

VD: Thả các vật vào nước để biết chìm hay nổi	
18. Trẻ biết Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Cho trẻ quan sát xem xét, phỏng đoán các sự vật và hiện tượng xung quanh. - Dành thời gian cho trẻ tự khám phá, trải nghiệm và chia sẻ, bày tỏ ý kiến của mình. - Khích lệ trẻ suy nghĩ về những gì chúng đang nhìn thấy, đang làm và phát triển những suy nghĩ, ý tưởng của mình và quan tâm tới môi trường xung quanh. - Sử dụng câu hỏi gợi mở để giúp trẻ phát triển suy nghĩ của mình. - Cho phép trẻ được hoạt động và làm những công việc phục vụ cho bản thân trẻ. - Tạo cho trẻ môi trường hoạt động khám phá khoa học phong phú, hấp dẫn với các đồ dùng, đồ chơi, các nguyên liệu khác nhau.
19. Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây hoa quả quen thuộc.
20. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Phân loại theo một số dấu hiệu nổi bật - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
21. Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày
22. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các sự vật hiện tượng.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá cát sỏi. - Các hoạt động khám phá khoa học về động vật - Nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng qua quan sát- khám phá. + Quan sát các nguồn nước, ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày + Chơi với cát nước để nhận ra 1 vài đặc điểm, tính chất của cát, nước... * Chủ đề thực vật

	+ KPKH: Một số loại quả +KPKH: Một số loại hoa +KPKH: Một số loại rau, củ * Chủ đề động vật + KPKH: Động vật sống trong rừng. + KPKH: Động vật sống trong gia đình. + KPKH: Động vật sống dưới nước. ** Chủ đề nước-hiện tượng + KPKH: Các mùa trong năm. + KPKH: Tìm hiểu về nước, đất, đá, sỏi. * HD Steam: làm ống nhòm Những chiếc lá kỳ diệu.
b. Khám phá xã hội	
23. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên tuổi giới tính của bản thân: + KPXH: Bé tự giới thiệu về mình. + KPXH: Cơ thể của bé +KPKH: phân biệt bé trai, bé gái Trò chuyện sáng Units: Bạn của em
24. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình + KPXH: Gia đình bé - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng yêu thương Trò chuyện sáng Units: Mẹ của em
25.Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Địa chỉ gia đình + KPXH: Ngôi nhà bé ở Trò chuyện sáng Units: Gia đình yêu thương
26.Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp. + KPXH: Lớp học của bé + Bé tìm hiểu về trường MN
27. Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến: * Chủ đề: Nghề nghiệp +KPXH: Nghề làm ruộng- đánh cá. +KPXH: Nghề Bác sỹ +KPXH: Nghề thợ may. + KPKH: Nghề thợ xây Trò chuyện sáng Units: Nghề em yêu thích

	Ước mơ của em
28. Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh	- Kể tên một số lễ hội, ngày khai giảng, tết trung thu, tết thiếu nhi.... qua trò chuyện tranh ảnh. + KPXH: Vui tết trung thu + KPXH: Bé vui đón tết + KPXH: Chú bộ đội + KPXH: Ngày hội của cô giáo + KPXH: Ngày vui của bà của mẹ, của các bạn gái. Trò chuyện sáng Units: Ngày tết trên quê em; tết trung thu.... Hoạt động Ứng dụng Steam: Làm quà tặng bạn; làm đèn lồng, làm tranh
29. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Trẻ kể tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương - Nhận biết một số danh lam thắng cảnh ở quê hương trẻ: + KPXH: Diễn Hùng quê em. + Đài tượng niệm liệt sỹ. + Trụ sở ủy ban + Lễ hội quê em. + Cảnh đẹp quê hương em - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng biết yêu quê hương
c, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
30. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Trẻ biết cách đếm theo thứ tự bằng biểu thị như dùng ngón tay để chỉ, đếm từ trái qua phải nhóm số lượng và đếm theo khả năng
31. Trẻ nhận biết được 1 và nhiều.	LQVT- Nhận biết một nhiều.
32. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. Biết so sánh số lượng giữa 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau hơn.	- Đếm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng - Đếm và nhận biết số lượng trong phạm vi 5 - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 - So sánh số lượng 2 nhóm giống và khác nhau. - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Hoạt động mọi lúc mọi nơi.

33. Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước (to hơn, nhỏ hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau)	- So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. + Dạy trẻ so sánh độ lớn của 2 đối tượng. + Dạy trẻ so sánh chiều cao của 2 đối tượng + Dạy trẻ so sánh chiều rộng của 2 đối tượng + Dạy trẻ so sánh chiều dài của 2 đối tượng
34. Trẻ biết tách, gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5	- Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm - Ghép đôi - Tách 1 nhóm có 2 đối tượng thành 2 nhóm - Tách 1 nhóm có 3 đối tượng thành 2 nhóm - Tách 1 nhóm có 4 đối tượng thành 2 nhóm - Tách 1 nhóm có 5 đối tượng thành 2 nhóm
35. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Xếp xen kẽ - Sao chép lại quy tắc sắp xếp đơn giản (Theo mẫu). - Dạy trẻ xếp tương ứng 1:1 - Ghép đôi từng cặp có mối liên quan.
36. Trẻ nhận dạng, gọi tên được các hình (tròn, vuông, tam giác, chữ nhật)	- Nhận biết hình tròn, hình vuông, hình tam giác; hình chữ nhật - Nhận dạng các hình đó qua đồ dùng đồ chơi - Chắp ghép các hình hình học. - Xếp các phương tiện giao thông từ các hình học. - Xếp các con vật từ các hình học.
37. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Dạy trẻ nhận biết phía trên phía dưới, phải trước phía sau, tay phải tay trái của bản thân. + Dạy trẻ nhận biết tay phải, tay trái của bản thân. + Xác định phía trên phía dưới của bản thân + Xác định phía trước, phải sau của bản thân.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
a, Nghe hiểu lời nói	
38. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Thực hiện được yêu cầu đơn giản - Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi - Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại - Lấy cất đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu
39. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa	- Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.

quả	
40. Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?...
b, Nói	
41. Nói rõ tiếng, đủ nghe, biết sử dụng các từ “ Dạ, thưa, vâng ạ”...trong giao tiếp	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Cô trò chuyện nhắc nhở trẻ mọi lúc mọi nơi. (nhắc nhở trẻ sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp) *Chủ đề Mầm non: - GDKS: Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép.
42. Trẻ biết Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
43. Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi, ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
44. Trẻ kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.
45. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi: *Chủ đề: mầm non: + Cô giáo của con (Huế Quang) + Cô và mẹ. (Trần Quốc Toàn) + Bạn mới (Nguyệt Mai) + Bé đến lớp (Sưu tầm); + Chơi ngoan (Vũ Thị Minh Tâm) + cô dạy (Phạm Hồ) + Đi dép (Nguyễn Thị Thảo). *Chủ đề: Bản thân:

	+Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương) + Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương) + Miệng Xinh (Phạm Hổ) + Bé ơi (Phong Thu) + Phải là hai tay (Phạm Cúc) + Tâm sự của cái mũi (Lê Thu Hương) *Chủ đề: Gia đình: + Thăm nhà bà (Nhu Mai) + Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến) + Chối Ngoan (Vũ Thị Minh Tâm) + Chiếc quạt nan (Xuân Cầu) + Gió từ tay mẹ (Vương Trọng) + Khách đến rồi(Lương Bình-Kim Tuyền) + Cả nhà chống bão(sưu tầm) *Chủ đề: Nghề nghiệp: + Em Làm Thợ xây (Hoàng Dân) + Làm Bác Sĩ (Lê Ngân) +Bé làm bao nhiêu nghề (Yến Thảo) +Chú giải phóng quân (Cầm Thơ) + Làm nghề như bố (Thu Quỳnh) + Các cô Thợ (Thi Ngọc). *Chủ đề động vật: + Đàn gà con (Phạm Hổ) + Gấu qua cầu (Ngọc Trâm) + Bác gấu đen và hai chú thỏ (Hoàng Hà) + Ong và bướm (Nhược Thủy) + Rong và cá (Phạm Hổ) + Kể chuyện bé nghe (Trần Đăng Khoa) + Con chuồn chuồn ớt (Xuân Nùng) *Chủ đề thực vật: + Chùm quả ngọt (Tạ hữu Nguyên) + Cây dây leo (Nhân Từu) + Bắp cải xanh (Phạm Hổ) + Quả (GVMN Gia Lai) + Dán hoa tặng mẹ (Khải Minh). *Phương Tiện giao thông: + Bé và mẹ (Lương thị Xiêm) + xe chữa cháy (Phạm Hổ) + Xe đổ rác (Sưu tầm)
--	--

	+ Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải) * Nước Hiện Tượng Tự Nhiên: + Gió (Đặng Hân) + Bé yêu trắng (Lê Bình) + Mưa (Lê Lâm) + Nắng ấm (Phong Thu). * Quê hương đất nước- Bác Hồ: + Bác Hồ của em (Trần đăng Khoa) + Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu) + Ngôi nhà (Tô Hà) + Ai dậy sớm (Võ Quăng) + Bé Tập nói (Trần Thị Nhật Tân) * Đồng dao, ca dao + Dung dăng dung dẻ; Nu na nu nống; Con mưa; Con công hay múa; Ba bà đi bán lợn con; Chi chi chành chành; Cái bóng là cái bóng bang; Trồng đậu trồng cà; Lợn cầu vòng; Đuổi con se sẻ; Bài đồng giao; Con rùa; Thương con ba ba; Bỏ các là bác chim ri. Hoạt động Steam: THực hiện làm tranh Thơ ; tranh chủ đề.
46. Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ của người lớn. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
47. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	* Chủ đề trường mầm non: + Đôi bạn tốt (Lê Thu Hương) + Gà tơ đi học (Cẩm Linh) * Chủ đề Bản thân + Mỗi người một việc (Lê Thu Hương-Lê Thị Đức) + Gấu con bị sâu răng (Tạ Thị Liên) + Món quà đặc biệt (Thanh Bình) + Cậu bé mũi dài (Lê Thu Hương- Lê Thị Đức) * Chủ đề gia đình: + Cô bé quàng khăn đỏ (Thu Thủy) + Thỏ dọn nhà (Kim Chi) + Cháu ngoan (Huỳnh Thị Cúc) + Quà tặng mẹ (Thu hằng)

	+ Tích chu * Chủ đề Nghề nghiệp: + Thần sắt (Chuyện cổ dân tộc thái) + Hai anh em (Chuyện cổ Grim) + Người bán mũ rong (Phạm Thị Sữu) + Gà trống choai và hạt đậu (Sưu tầm). * Chủ đề động vật: + Bác gấu đến và hai chú thỏ (Dương Đình Hy) + Rùa con tìm nhà (Thanh Mai) + Cáo thỏ gà trống + Chú ếch và bạn rùa nhỏ. + Chú vịt xám (Thu Thủy-Sưu tầm) + Giọng hót chim sơn ca (Thu Thủy-Sưu tầm) + Ba con gấu (Minh Trang) * Chủ đề thực vật: + Sự tích loài hoa (Hạ Huyền) + Chú đỗ con (Viết Linh) + Hoa màu Gà (Thùy dương) + Nhỏ củ cải (Nước ngoài). + Trái cây trong vườn * Chủ đề Giao Thông: + Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); + Qua đường (Thu Hạnh); + Xe ca và xe lu (Phong Thu). + Kiến con đi ô tô. * Chủ đề Nước- hiện tượng: + Cóc kiện trời (thần thoại Việt Nam) + Nàng tiên mơ (Võ Thị Thương) + Giọt nước tí xíu (Hoài Khánh) + Đám mây đen xấu xí (Nguyễn Văn Thắng). * Chủ đề Quê hương Đất nước- Bác Hồ + Ai ngoan sẽ được thưởng (Tuyết Phương-Thanh Tú) + Truyền thuyết vua Hùng dạy dân cấy lúa. Hoạt động Steam: Làm tranh truyện
c, Làm quen với đọc viết	
48. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển

xem tranh.	báo giao thông, đường cho người đi bộ
49. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện
50. Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật theo tranh, thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	- Giữ gìn sách cẩn thận - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
51. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của trẻ - Nói được điều bé thích, không thích
52. Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động
53. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Không tranh dành đồ chơi của bạn - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động - Mạnh dạn khi trả lời
54. Trẻ biết thực hiện một số công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Quan tâm đến môi trường. - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - GDKNS : Dạy trẻ kỹ năng gấp quần áo - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng lấy cá đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định.
55. Trẻ nhận ra cảm xúc và biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói trò chơi, hát vận động.
56. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và kính yêu Bác	- KPXH: Tìm hiểu trò chuyện về Bác Hồ
57. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ. - Thơ: Bác Hồ của em ; Ảnh Bác
58. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành

	đồ chơi, vâng lời bố mẹ.
59. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, và mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi; biết chào hỏi, nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Đến lớp biết chào cô, chào các bạn... - GDKNS : Dạy trẻ chào hỏi lễ phép
60. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Biết chờ đến lượt. - Biết trả lời một số câu hỏi đơn giản khi được cô hỏi.
61. Trẻ biết chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn. - Không tranh dành đồ chơi với bạn. - Biết hợp tác, chia sẻ. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng đoàn kết-hợp tác
62. Trẻ biết quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng chăm sóc vật nuôi - Dạy trẻ kỹ năng chăm sóc cây
63. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trẻ biết bỏ vỏ bánh, kẹo sữa... vào thùng rác. - Biết nhặt rác bỏ vào nơi quy định. - Biết giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ. - GDKNS: Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định - GDKNS: Dạy trẻ kỹ năng biết làm vệ sinh môi trường
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
64. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng, của tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Chỉ, sờ, ngắm nhìn nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình
65. Trẻ chú ý nghe, tỏ thích thú nghe nhạc, nghe hát, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư...) theo bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) - *Chủ đề mầm non: Nghe hát: +Ánh trăng hòa bình (Hồ Bắc) +Ngày đầu tiên đi học +Niềm vui của bé + Chào ngày mới

	+ Ngày vui của Bé (Hoang Văn Yến) + Nắng sớm + Những Em bé ngoan (Hoàng văn Yến) *Chủ đề Bản Thân: + Xòe bàn tay, nắm ngón tay (Minh Quân) + Bé khỏe bé ngoan + Chiếc đèn ông sao + Đêm Trung Thu (Phùng Như Thạch) + Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên) + Bàn Tay mẹ (Bùi đình Thảo) + Mời bạn ăn (Trần Ngọc) + Tay Thơm Tay ngoan (Bùi Đình Thảo); *Chủ đề gia đình: + Mừng ngày nhà giáo Việt Nam (Sưu Tầm) + Khúc Hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên); + Con chim vành khuyên (Hoàng Vân) + Ru con (Dân ca Nam Bộ) + Chiếc khăn tay (Tăng Tấn) + Cho con (Thập Nhất) + Mẹ ơi có biết { Nguyễn văn chung) *Chủ đề nghề Nghiệp: + Ước mơ xanh (Lê Giang) + Ba lô con cóc (Vũ Hoàng) + Em Thích làm chú bộ đội (Hoàng Long) + Cháu thương chú bộ đội (Hoàng văn Yến) + Lớn lên Cháu lái máy cày (Kim Hữu) + Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền) *Chủ đề động vật: + Con chim vành khuyên (Hồng Vân) + Chú ếch con (Phan Nhàn) + Con chim non (Lý trọng) + Bắc kim thang (Dân ca Nam Bộ) + Chú voi con ở bản đôn (Phạm tuyên) + Voi làm xiếc *Chủ đề thực vật: + Lý cây bông (Dân ca Nam Bộ) + Cây Trúc Xinh (Quan họ Bắc Ninh) + Quả (Xanh xanh) + Chúc tết (Nguyễn Văn Hiên)
--	---

	+ Lá xanh (Thái cơ) + Bốn mùa (Hoàng Long) + Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên) *Chủ đề PT Giao thông: + Anh phi công ơi (Đức Anh) + Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn yền) + Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); + Nhớ lời cô dạy (Hong Ngọc);.... * Chủ đề nước-hiện tượng tự nhiên: + Mưa rơi (Dân ca Xá) + Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai) + Đêm sao (Văn Chung) + Tôi Là gió (Trình Tuấn Khanh) + Mèo con Ra bờ sông (Hoàng Hà)... *Chủ đề Quê hương đất nước-Bác Hồ + Em Mơ gặp bác Hồ (Xuân Giao) + Em như chim bồ câu trắng (Trần Ngọc) + Từ rừng xanh cháu về thăm quê bác (Hoàng Long-Hoàng Lân) + Inh Lả ơi(Dân ca Thái)
66. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc; biết vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...)	- Hát đúng giai điệu lời ca bài hát: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. <i>Dạy hát/Vận động:</i> *Chủ đề mầm non: + Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn) + Trường hấu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên) + Chào Hỏi (Trần Hoàng Tiết) + Đi dạo (Trần Hữu Du) + Quả bóng (Huy Trân) + Mừng sinh nhật (Nhạc anh) + Chơi ngón tay (Nhạc hàn) + Hẩy xoay nào (Nhạc hàn) + Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch) + Chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền) + Quả Bóng (Huy Trân) + Biểu diễn cuối chủ đề.

	* Chủ đề bản thân: +Tập đếm +Rửa mặt như mèo +Tay thơm tay ngoan + Đường và chân +Bé Tập đánh răng *Chủ đề gia đình: + Cháu yêu bà (Xuân Giao) + Cô và mẹ (Phạm Tuyên) + Mẹ yêu không nào (Ngô Xuân Thọ); + Biết vâng lời mẹ (Minh Khai) + Bé quét nhà (Hà Đức Hậu) + Múa cho mẹ xem (Xuân Giao) + Lời chào buổi sang (Thị Nhung) + Mẹ đi vắng (Trịnh công sơn) + Tình thương bà Cháu (Vũ trọng tường) + Ru Em (Hoàng Kim Đình). + Biểu diễn cuối chủ đề. * Chủ đề Nghề nghiệp: + Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng văn yến) + Em tập lái ô tô (Nguyễn văn Tý) + Đi một hai (Đoàn Phi) + Làm chú bộ đội (Hoàng Long) + Đội kèn tý hon (Phan Huỳnh Biểu) + Chú bộ đội đi xa (Hoàng Vân) + Tập đi đều (Kim Hữu) + Biểu diễn cuối chủ đề. * Chủ đề động vật: + Đàn gà con (Nhạc nước ngoài) + Voi làm xiếc (Nhạc anh) + Cá vàng bơi (Hà Hải) + Rửa mặt như mèo (Hàn Ngọc Bích) + Gà trống, mèo con và cún con (Thề Vinh) +Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu) + Một con vịt (Kim Duyên) + Con chim non (Lý Trọng) + Thương con mèo (Huy Du) + Gà trống (Văn Tiến) + Đàn vịt con (Mộng Lân)
--	---

	+ Biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề thực vật: + Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân) + Bé và hoa (Sưu Tầm) + Cây bắp cải (Phạm Hồ- Thu Hồng) + Màu hoa (Hồng Đăng) + Mùa xuân (Hoàng Văn Yên) + Như những cánh hoa (Bùi Anh Tôn) + Xòe hoa (Dân ca Thái) + Quả (nhạc và lời Xanh Xanh) + Ngày vui 8/3(Thu Huyền) + Lý cây xanh (Dân ca am Bộ) + Hái hoa (Bùi Anh Tôn). + Quà mừng 8/3(Hoàng Long) + Biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề giao thông: + Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); + Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân) + Em đi chơi thuyền + Đèn xanh đèn đỏ (Lương Vĩnh) + Đường em đi (Ngô Quốc Tính) + Đường và chân(Hoàng Long) + Đi trên vỉa hè bên phải(Nguyễn Thị Thanh) + Bạn ơi có biết (Hoàng văn Yên)... + Biểu diễn cuối chủ đề. * Chủ đề nước-hiện tượng tự nhiên: + Bé và trăng (Bùi Anh Tôn) + Mây và gió (Minh Quân) + Trên cát (Nhạc Anh) + Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); + Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích) + Biểu diễn cuối chủ đề. *Chủ đề Quê hương đất nước-Bác Hồ. + Bé em tập nói (Hoàng Long), + Đi thăm thủ đô (Bùi anh Tôn) + Hòa Bình cho bé (Huy Trân). + Đêm Pháo hoa (Phạm Tuyên) + Xòe Hoa(Dân ca thái) + Rước đèn dưới ánh trăng(Phạm Tuyên)
--	--

	+ Quê hương tươi đẹp + Yêu Hà Nội + Biểu diễn cuối chủ đề.
67. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	<i>Chủ đề bản thân:</i> - Trang trí khăn mùi soa. - Làm chiếc nơ. - Làm vòng tay, gấp nơ, hoa. <i>*Chủ đề Nghề nghiệp</i> - Trang trí khay đựng màu vẽ. - Làm sung tặng chú bộ đội <i>*Chủ đề động vật:</i> - Trang trí con sao biển. - Làm các con vật từ các lá cây, rau củ quả <i>* Chủ đề giao thông</i> - Làm cánh bướm - Xếp hình ô tô <i>* Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên.</i> - Trang trí chiếc phao
68. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản - Trẻ vẽ những nét thẳng, xiên, nét ngang... - Trẻ vẽ phối hợp các nét khác nhau tạo thành các sự vật, con vật, đồ dùng.... <i>*Chủ đề mầm non:</i> - Tô màu đu quay - Tô Màu chùm bóng - Tô màu chiếc đèn lồng. <i>*Chủ đề bản thân:</i> - Tô màu mũ bé trai-bé gái <i>*Chủ đề gia đình:</i> - Tô màu bức tranh gia đình. - Tô màu gia đình bé. <i>*Chủ đề Nghề nghiệp</i> - Tô màu một số sản phẩm nghề nông - Vẽ, tô màu bình hoa - Vẽ những cuộn len <i>*Chủ đề động vật:</i> - Vẽ tô màu gà con - Tô màu hươu cao cổ

	*Chủ đề Thực vật - Vẽ, tô màu cây ăn quả - Vẽ, tô màu quả cà chua, bí đỏ - Vẽ những bông hoa bằng vân tay *Chủ đề Giao thông - Vẽ, tô màu ô tô - Vẽ, tô màu xe máy - Tô màu kính khi cầu * Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên. - Vẽ mưa *Chủ đề quê hương - Tô màu dây cò
69. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Xé được theo dải, vụn, và chấp dán được sản phẩm đơn giản. Chủ đề mầm non: - Dán bập bênh * Chủ đề bản thân: -Làm đèn ông sao,đèn lồng *Chủ đề gia đình: - Dán cái cốc -Làm quà tặng cô *Chủ đề Nghề nghiệp - Dán cái thang -Làm quà tặng chú bộ đội *Chủ đề động vật: - Cắt dán con cá - Xé, dán con sứa *Chủ đề Thực vật - Cắt dán hoa - Xé dán tán lá cây - Xé dán bánh chưng -Làm quà tặng bà, tặng mẹ *Chủ đề Giao thông - Xé dán máy may trực thăng - Gấp, dán ô tô buýt * Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên. - Xé dán tia nắng mặt trời - Xé dán chiếc ô *Chủ đề quê hương- đất nước

	- Xé dán đuôi điều - Trang trí ảnh Bác Hoạt động Steam: làm tranh sáng tạo với nhiều nguyên vật liệu.
70. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm theo yêu cầu của cô - Trẻ phối hợp các thao tác lăn dọc, uốn cong, xoay tròn, ấn dẹt... để tạo ra sản phẩm. - Nặn đôi đũa - Nặn hạt thóc - Nặn chiếc bánh - Nặn quả...
71. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Trẻ xếp cạnh nhau các sản phẩm tạo hình có cấu trúc đơn giản. - Xếp hàng rào - Xếp ngôi nhà - Xếp chuồng.... * HD Steam: Xếp tháp Làm cái cầu
72. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của trẻ, của bạn.
73. Trẻ biết sáng tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tạo ra các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích.
74. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	* HD Steam: Nhuộm màu Những dụng cụ âm nhạc nhiều màu sắc - Hoạt động góc - Hoạt động mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động tạo hình theo chủ đề - Trẻ đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.

Hải Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Luyện

